

Bản án số: 72/2023/HS-ST
Ngày: 19-7-2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trọn.
2. Ông Lê Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Hữu Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **61/2023/QĐXXST-HS** ngày **04** tháng **7** năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Hà Kim H, tên gọi khác: Bé Sáu, sinh năm 1980, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp CN, xã PT, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; giới tính: nữ; nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hà Văn Đạt (đã chết) và bà Trần Thị Bời; chồng: Nguyễn Văn Trường; con: có 02 người; tiền án, tiền sự: không có (vì đã được xóa); bị cáo tại ngoại.

Nhân thân: Tháng 7-2016 bị Công an huyện Gò Dầu xử phạt về hành vi đánh bạc; năm 2018 bị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm về tội đánh bạc.

2. Nguyễn Văn N, sinh năm 1978, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp CN, xã PT, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; giới tính: nam; nghề nghiệp: chăn nuôi; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn E và bà Võ Thị Hoành; vợ: Lê Thị Kim Hoàng, con: có 01 người; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo tại ngoại.

3. Trần Văn H1, tên gọi khác: Lùn, sinh năm 1963, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp Bông Trang, xã TH1 Đức, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; giới tính: nam; nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 01/12;

dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn Nguyên (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kinh (đã chết); vợ: Lương Thị Cẩm Nhung, con: có 01 người; tiền án: không có (vì đã được xóa); tiền sự: Quyết định số 508 ngày 29-6-2022 của Công an huyện Gò Dầu xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30-3-2023 cho đến nay.

Nhân thân: Tháng 3-2016, bị Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xử phạt 03 tháng 07 ngày tù về tội “Đánh bạc”.

4. Phạm Chí T, tên gọi khác: Tý; sinh năm 1982, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp CN, xã PT, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; giới tính: nam; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn Hên và bà Hà Thị Si; vợ: Đỗ Minh Quỳnh Thư, con: có 03 người; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo tại ngoại

5. Tạ Văn X, sinh năm 1969, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp CN, xã PT, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; giới tính: nam; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tạ Văn Nại (đã chết) và bà Trần Thị Sánh; vợ: Lê Thị Mỹ Lan, con: có 02 người; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo tại ngoại.

6. Lê Thị Út G, tên gọi khác: Lùn, sinh năm 1983, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp 3, xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: ấp CN, xã PT, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; giới tính: nữ; nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn A (đã chết) và bà Nguyễn Thị Hiền (đã chết); chồng: Lê Văn Kiệt (đã ly hôn), con: có 01 người; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo tại ngoại.

7. Cao Thị C, sinh năm 1960, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp Xóm Bó, xã Hiệp TH1, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; giới tính: nữ; nghề nghiệp: bán vé số; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cao Văn Bò (đã chết) và bà Nguyễn Thị Tường (đã chết); chồng: Vương Văn Bông (đã chết), con: có 01 người; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo tại ngoại.

8. Nguyễn Văn E, sinh năm 1952, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp CN, xã PT, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; giới tính: nam; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Mai (đã chết) và bà Nguyễn Thị Năm (đã chết); vợ: Võ Thị Hoành, con: có 05 người; tiền án: không có, tiền sự: không có (vì đã được xóa); bị cáo tại ngoại.

Nhân thân: Ngày 09-02-2021, bị Công an huyện Gò Dầu xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc.

9. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1948, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp CN, xã PT, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; giới tính: nam;

nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Mai (đã chết) và bà Nguyễn Thị Năm (đã chết); vợ: Trần Thị Muộn, con: có 04 người; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo tại ngoại.

Các bị cáo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9-2022, tại quán cà phê của ông Nguyễn Văn Đ thuộc ấp CN, xã PT, huyện Gò Dầu, vào buổi trưa có nhiều người thường tụ tập để uống nước và đánh bài cào thắng thua bằng tiền nên ông Đ và con dâu là Hà Kim H bán nước kiếm lời và thu tiền xâu; mỗi ngày H và Đ thu tiền xâu được khoảng 50.000 đồng.

Khoảng 14 giờ ngày 12-10-2022, Tạ Văn X mang theo 60.000 đồng, Nguyễn Thị Dền mang theo 100.000 đồng, Nguyễn Văn Cường mang theo 250.000 đồng và Nguyễn Thị Kim Tiên mang theo 230.000 đồng đến quán cà phê của ông Đ rủ nhau đánh bài cào thắng thua bằng tiền, mỗi người làm cái xoay vòng. Sau đó, Tiên và Dền nghỉ đi về nhà thì Trần Thị Thiệu mang theo 110.000 đồng và Phạm Chí T mang theo 450.000 đồng vào tham gia. Sau đó, bà Thiệu và Cường nghỉ đi về nhà thì Lê Thị Út G mang theo 350.000 đồng, Cao Thị C mang theo 200.000 đồng, Nguyễn Văn N mang theo 3.950.000 đồng, Trần Văn H1 mang theo 290.000 đồng, Nguyễn Văn E mang theo 300.000 đồng và H mang theo 740.000 đồng đến sử dụng số tiền mang theo đánh bạc cùng với T và X. Sau đó, H thắng 10.000 đồng nghỉ đi về nhà; còn lại T, X, G, C, N, H1 và E tiếp tục đánh bài. Trong lúc đánh bạc, Đ thu tiền xâu 10.000 đồng của N.

Đến 16 giờ cùng ngày, Công an xã PT kiểm tra bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc 200.000 đồng và 04 bộ bài tây; thu giữ trên người H1, C, E, G và N tổng số tiền dùng đánh bạc 4.110.000 đồng. Riêng T và X chạy thoát. Sau đó, T, X và H giao nộp số tiền dùng đánh bạc 1.250.000 đồng.

Quá trình điều tra, H1 không thừa nhận có tham gia đánh bạc; tuy nhiên giai đoạn truy tố H1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. H, E, N, T, X, C, G và Đ đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. E, N, T, X, C, G và Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: 04 (bốn) bộ bài tây, loại 52 lá, đã qua sử dụng; tiền Việt Nam: 5.850.000 (năm triệu, tám trăm năm mươi nghìn) đồng.

Về kê biên tài sản: Tất cả không có sở hữu tài sản nên Cơ quan điều tra không kê biên.

Tại bản cáo trạng số 60/CT-VKSGD ngày 25-5-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh truy tố các bị cáo Hà Kim H (Bé Sáu),

Trần Văn H1 (Lùn), Nguyễn Văn E, Nguyễn Văn N, Phạm Chí T (Tý), Tạ Văn X, Cao Thị C, Lê Thị Út G (Lùn), Nguyễn Văn Đ về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Các bị cáo đã thành khẩn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu giữ nguyên nội dung truy tố đối với các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Hà Kim H (Bé Sáu), Trần Văn H1 (Lùn), Nguyễn Văn E, Nguyễn Văn N, Phạm Chí T (Tý), Tạ Văn X, Cao Thị C, Lê Thị Út G (Lùn), Nguyễn Văn Đ phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Hà Kim H (Bé Sáu) từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Trần Văn H1 (Lùn) từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Phạm Chí T (Tý) từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

+ Xử phạt bị cáo Tạ Văn X từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

+ Xử phạt bị cáo Lê Thị Út G (Lùn) từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Cao Thị C từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, o, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn E từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật; miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo C, E, Đ.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã ăn năn, hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gò Dầu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện như sau: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với biên bản phạm tội quả tang cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Lúc 16 giờ ngày 12-10-2022, bị cáo Nguyễn Văn Đ sử dụng nhà của bị cáo tại ấp CN, xã PT, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh cho Trần Văn H1, Hà Kim H, Nguyễn Văn E, Nguyễn Văn N, Phạm Chí T, Tạ Văn X, Cao Thị C và Lê Thị Út G đánh bài cào với tổng số tiền dùng đánh bạc 5.560.000 đồng thì bị bắt quả tang, bị cáo Đ thu lợi được số tiền 10.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 321 quy định “*Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền ... trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự, an toàn công cộng, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Các bị cáo do muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công lao động cực khổ, nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, khi quyết định hình phạt cần áp dụng một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, cụ thể như sau:

[4.1] Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ:

Tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với các bị cáo E, N, T, X, C, G, Đ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Hai bị cáo E, N khi thực hiện hành vi phạm tội đã đủ 70 tuổi nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo H có mẹ chồng là bà Trần Thị Muôn là người có công với cách mạng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án:

[5.1] Bị cáo H có nhân thân xấu, mặc dù đã được xóa án tích nhưng không biết ăn năn hối cải mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu trách nhiệm hình sự chính trong vụ án.

[5.2] Các bị cáo N, H1, T, X, G có số tiền đánh bạc thấp nên phải chịu trách nhiệm hình sự ngang nhau và sau bị cáo H.

[5.3] Các bị cáo C, E, Đ có số tiền đánh bạc thấp, khi thực hiện hành vi phạm tội có tuổi đã cao nên phải chịu trách nhiệm hình sự ngang nhau và sau cùng.

[6] Về hình phạt: Sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[6.1] Đối với bị cáo H1: Bị cáo đang còn tiền sự về hành vi đánh bạc, không biết ăn năn hối cải mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự xem thường pháp luật nên cần áp dụng khung hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[6.2] Đối với các bị cáo N, H, T, X, G, C, Đ, E: Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do đó, khi quyết định hình phạt, không cần phải cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội, nên xử phạt các bị cáo H, N, T, X, G mức án tù, nhưng cho hưởng án treo; xử phạt các bị cáo C, Đ, E mức hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6.3] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho các bị cáo C, Đ, E.

[7] Về xử lý vật chứng:

[7.1] Đối với tiền Việt Nam 5.850.000 (*năm triệu, tám trăm năm mươi nghìn*) đồng các bị cáo dung vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[7.2] Đối với 04 (bốn) bộ bài tây, loại 52 lá, đã qua sử dụng là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, không có giá trị kinh tế nên tịch thu, tiêu hủy.

[8] Các đối tượng có liên quan khác: Đối với Nguyễn Thị Dền, Trần Thị Thiều, Nguyễn Văn Cường và Nguyễn Thị Kim Tiên có hành vi đánh bạc nhưng chưa đủ định lượng cấu thành tội phạm và chưa có tiền án, tiền sự nên Cơ quan điều tra chuyên xử phạt vi phạm hành chính.

[9] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo H, N, H1, T, X, G là người bị kết án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm, riêng các bị cáo C, Đ, E được miễn tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 11, 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Hà Kim H (Bé Sáu), Trần Văn H1 (Lùn), Nguyễn Văn E, Nguyễn Văn N, Phạm Chí T (Tý), Tạ Văn X, Cao Thị C, Lê Thị Út G (Lùn), Nguyễn Văn Đ phạm tội “Đánh bạc”.

1.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hà Kim H (Bé Sáu) 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn H1 (Lùn) 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 30 tháng 3 năm 2023.

1.4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Chí T (Tý) 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Tạ Văn X 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.6. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Thị Út G (Lùn) 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Hà Kim H (Bé Sáu), Nguyễn Văn N, Phạm Chí T (Tý), Tạ Văn X, Lê Thị Út G (Lùn) cho Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo nói trên thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

1.7. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Cao Thị C 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

1.8. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm o, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn E 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

1.9. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm o, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Gò Dầu nhận được quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn E cho Ủy ban nhân dân xã PT, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh; giao bị cáo Cao Thị C cho Ủy ban nhân dân xã Hiệp TH1, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát giáo dục.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 100 của Luật thi hành án Hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho các bị cáo Cao Thị C, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn E.

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự:

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước tiền Việt Nam: 5.850.000 (*năm triệu, tám trăm năm mươi nghìn*) đồng.

- Tịch thu tiêu hủy: 04 (bốn) bộ bài tây, loại 52 lá, đã qua sử dụng.

(Hiện vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06-6-2023)

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016:

Buộc các bị cáo Hà Kim H (Bé Sáu), Nguyễn Văn N, Phạm Chí T (Tý), Trần Văn H1 (Lùn), Tạ Văn X, Lê Thị Út G (Lùn), mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Văn E, Cao Thị C, Nguyễn Văn Đ được miễn tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

oi nhận:

- Vụ GDKT. TANDTC (Vụ 1);
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng lý lịch STP tỉnh Tây Ninh;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Công an huyện Gò Dầu (02 bản);
- Nhà tạm giữ công an huyện Gò Dầu;
- CC THADS h. Gò Dầu;
- Bị cáo, các đương sự khác;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Vũ

